TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/DS-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Sang**

Ông **Nguyễn Văn Mến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quốc –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST- DSST ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2023/QĐXX - ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 366/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Nam Sông Hậu**

Địa chỉ: Lô 3A KDC P 1, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Hiếu Đạo**; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện ủy quyền: Ông **Hồ T P**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Lô 3A, KDC P 1, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền ngày 21.7.2023.

2. Bị đơn:

2.1 Bà **Trần Thị Lệ T,** sinh năm 1978 (Vắng mặt).

2.2 Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 336, Tổ 21, Khu vực 3, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2.3 Ông **Phạm Trường H,** sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 36/1 tổ 16, khu phố 1, phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T chết năm 2019:

3.1 Ông **Trần Tường H**, sinh năm 1971

3.2 Ông **Trần Tường V**, sinh năm 1974

3.3 Ông **Trần Tường T,** sinh năm 1985

3.4 Ông **Trần Minh Đ**, sinh năm 1988

3.5 Ông **Trần Tường T**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Số 336, tổ 21, khu vực 3, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Tất cả vắng mặt.

3.6 Bà **Trần Thị Lệ A**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 426 KDC 923, phường A, quận E, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu có cấp tín dụng cho bà Trần Thị Lệ T, ông Phạm Trường H. Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và giấy nhận nợ cho khoản vay sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 0002/2018/HĐTD - TH ngày 02/01/2018

+ Hợp đồng thế chấp số: 0002/2018/ BĐS - BĐS ngày 02/01/2018

+ Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018

Theo hợp đồng này thì Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu đã cho bà T và ông H vay tiền như sau:

+ Số tiền vay: 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Thời hạn vay: 60 tháng,

+ Phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi hàng tháng.

+ Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng.

Tính đến ngày 27/9/2023 ông H và bà T đã trả 35.000.000 đồng nợ gốc và 28.165.200 đồng nợ lãi. Tổng tiền đã trả: 63.165.200 đồng. Số nợ gốc và lãi của khoản vay này tính đến ngày 27/9/2023 là 115.000.000 đồng tiền nợ gốc và

149.956.150 đồng nợ lãi, gồm nợ lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả. Tổng cộng số tiền ông H và bà T còn nợ của hợp đồng này là 264.956.151 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH00961 do UBND quận C cấp ngày 08/01/2014, thửa đất số: 535 Tờ bản đồ số: 01 tọa lạc tại KV 3, phường P, quận C, TP. Cần Thơ.

2. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố: 0022/2018/HĐTD - CC ngày 09/01/2018. Giấy nhận nợ ngày 09/01/2018. Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu đã cho bà T và ông H vay tiền, nội dung cụ thể theo giấy nhận nợ như sau:

+ Số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)

+ Thời hạn vay: 60 tháng,

+ Phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng

+ Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng.

Ông H và bà T đã trả được nợ gốc 9.338.000 đồng, lãi là 7.495.500 đồng. Tổng tiền đã trả: 16.833.500 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì khoản vay này ông H và bà T còn nợ gốc là 30.662.000 đồng, nợ lãi là 39.733.299 đồng. Tổng cộng là 70.395.299 đồng.

Tài sản cầm cố cho khoản vay này: Xe máy nhãn hiệu AIR BALDE chiếu theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 008585, biển số 65V1- 7220, do phòng cảnh sát giao thông công an quận C cấp ngày 09/02/2010.

3. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0649/2018/HĐTD - CC ngày 19/12/2018; Giấy nhận nợ ngày 19/12/2018, Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu đã cho bà T và ông H vay số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 6 tháng; Phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng; Lãi suất áp dụng như sau: 1.9%/tháng. Tính đến ngày: 27/9/2023, ông H, bà T đã trả nợ gốc là 19.402.200 đồng, trả lãi là 947.400 đồng. Tổng số tiền đã trã 20.349.600 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì ông H và bà T còn nợ số tiền gốc là 30.598.000 đồng, lãi là 66.913.801 đồng. Tổng cộng số nợ của khoản vay này là 97.511.801 đồng.

Tài sản cầm cố cho khoản vay này là xe máy nhãn hiệu SH MODE chiếu theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 080921 , biển số 65B2- 105.25, do phòng cảnh sát giao thông công an TPCT cấp ngày 23/03/2018.

* Tổng số tiền cho 03 khoản vay trên là: 432.863.251 đồng.

Quá trình vay vốn, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ T toán nợ gốc và lãi được quy định trong hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện trả nợ, nhưng bà T và ông H, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng, để khoản vay cHển nợ quá hạn.

Xét thấy bà T và ông H, cố tình kéo dài thời gian trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu kính đề nghị Toà án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ buộc bà T và ông H pH trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là: 432.863.251 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà T và ông H không trả hoặc trả không hết nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu được quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi các tài sản đang thế chấp để T hồi nợ vay. Buộc bà T và ông H pH chịu toàn bộ án phí, các chi phí liên quan đến quá trình khởi kiện, xử lý tài sản để T hồi nợ.

Ngoài ra, Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu có cấp tín dụng cho bà Trần Thị Lệ T, ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hồ T, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 0219/2018/HĐTD – NH ngày 16/10/2018

+ Hợp đồng thế chấp số: 0219/2018/ HĐTC-BĐS ngày 16/10/2018

+ Giấy nhận nợ ngày 17/10/2018

Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu đã cho bà T và ông H, bà L, ông T vay 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng, phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng gốc trả cuối kỳ. Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng. Tính đến ngày: 27/9/2023, người vay đã trả 0đ tiền gốc, trả tiền lãi 20.194.700 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì khoản vay này còn nợ gốc là 150.000.000 đồng; Nợ lãi là 169.441.219 đồng. Tổng tiền nợ pH T toán: 319.441.219 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02996.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp 12/12/2002. Thửa đất số: 147, tờ bản đồ số: 01 tại KV 2 , phường P, quận C, TP. Cần Thơ, diện tích thực tế: 115,2 m^2.

2. Hợp đồng tín dụng số: 0229/2018/HĐTD – NH ngày 06/11/2018

+ Hợp đồng thế chấp số: 0219/2018/ HDTC- BĐS ngày 16/10/2018

+ Giấy nhận nợ ngày : 06/11/2018

Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu đã cho bà T và ông H, bà L, ông T vay tiền, nội dung cụ thể theo giấy nhận nợ như sau:

+ Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)

+ Thời hạn vay: 12 tháng,

+ Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng gốc trả cuối kỳ.

+ Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng.

Tính đến ngày 27/9/2023 thì người vay đã trả 0đ tiền gốc, 16.471.300 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 27/9/2023 thì số nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 107.239.040 đồng. Tổng cộng là 207.239.040 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 02996.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp 12/12/200, thửa đất số: 147, tờ bản đồ số: 01, tại KV 2 , phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Tổng số tiền cho 02 khoản vay là: 526.680.259 đồng.

Quá trình vay vốn, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ T toán nợ gốc và lãi được quy định trong hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện trả nợ, nhưng bà T và ông H, bà L và ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng, để khoản vay cHển nợ quá hạn.

Xét thấy, bà T và ông H, bà L và ông T cố tình kéo dài thời gian trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu kính đề nghị Toà án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ buộc bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) pH trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) không trả hoặc trả không hết nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu được quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi các tài sản đang thế chấp để T hồi nợ vay.

Buộc bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) pH chịu toàn bộ án phí, các chi phí liên quan đến quá trình khởi kiện, xử lý tài sản để T hồi nợ.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Trường H trình bày:** Ông Trần Hồ T là cha ông H. Ông T có 07 người con là Trần Thị Lệ T, Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A. Có 01 vợ là bà Nguyễn Thị L, cha mẹ ông T đã mất. Ngoài ra ông T không còn con riêng hay con nuôi nào khác.

Ông H và vợ ông H là bà Trần Thị Lệ T, mẹ vợ là Nguyễn Thị L và ba vợ là Trần Hồ T có vay các khoản vay như nguyên đơn trình bày. Do làm ăn thất bại, không T toán đúng cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn thừa

nhận còn nợ nguyên đơn tổng cộng 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng). Bị đơn đồng ý trả nợ này cho nguyên đơn nhưng xin cho bị đơn thời gian để bị đơn sắp xếp trả nợ cho nguyên đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:*

Bà T thống nhất với trình bày của nguyên đơn, thống nhất với ý kiến của ông H. Trước yêu cầu trả nợ của nguyên đơn thì bà T cũng đồng ý. Tuy nhiên, bà xin có thêm thời gian để bán tài sản và xử lý nợ. Đồng thời bà T cũng xin nguyên đơn xem xét miễn giảm lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà L thừa nhận có vay nguyên đơn 02 lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án người kế thừa, quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

Vụ án được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn có trách nhiệm T toán cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) không trả hoặc trả không hết nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu được quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi các tài sản đang thế chấp để T hồi nợ vay.

Buộc bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) pH chịu toàn bộ án phí, các chi phí liên quan đến quá trình khởi kiện, xử lý tài sản để T hồi nợ.

Bị đơn Nguyễn Thị L, Trần Thị Lệ T, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn Phạm Trường H trình bày: Ông thống nhất với các Hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký với nguyên đơn. Ông đề nghị nguyên đơn cho thêm thời gian để ông và gia đình xử lý tài sản T toán cho nguyên đơn. Ngoài ra, ông H còn xin nguyên đơn xem xét miễn giảm lãi cho bị đơn vì hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, T thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường có trách nhiệm T toán cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) không trả hoặc trả không hết nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu được quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi các tài sản đang thế chấp để T hồi nợ vay.

Buộc bà T và ông H, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T (do ông T chết) pH chịu toàn bộ án phí, các chi phí liên quan đến quá trình khởi kiện, xử lý tài sản để T hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì quan hệ được xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại theo

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 Tòa án nhân dân quận C thụ lý hồ sơ Dân sự số 187/2022/DSST giữa nguyên đơn Quỹ Tín dụng Nhân dân Nam Sông Hậu và bị đơn ông Phạm Trường H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Lệ T, Trần Hồ T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân quận C nhập vụ án Dân sự thụ lý số 187/2023/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2022 vào hồ sơ Dân sự thụ lý số 199/2023/DSST ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu với bị đơn ông Phạm Trường H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Lệ T, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A theo Quyết định nhập vụ án số 10/2023/QĐST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận C.

Đối với bị đơn Trần Thị Lệ T, Nguyễn Thị L, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

3.1 Về yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi:

+ Đối với yêu cầu bị đơn trả vốn: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bà Trần Thị Lệ T, ông Phạm Trường H. Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho khoản vay sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0002/2018/HĐTD - TH ngày 02/01/2018; Giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 nguyên đơn đã cho bà T và ông H vay số tiền: 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng), Thời hạn vay: 60 tháng, phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi hàng tháng, lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng. Tính đến ngày 27/9/2023 ông H và bà T đã trả 35.000.000 đồng nợ gốc và 28.165.200 đồng nợ lãi. Tổng tiền đã trả: 63.165.200 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì khoản vay này bị đơn còn nợ gốc là 150.000.000 đồng; Nợ lãi là 169.441.219 đồng. Tổng tiền nợ pH T toán: 319.441.219 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố: 0022/2018/HĐTD - CC ngày 09/01/2018, giấy nhận nợ ngày 09/01/2018. Nguyên đơn đã cho bà T và ông H vay số tiền: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng, phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng, Lãi suất áp dụng như

sau: 1.5%/tháng. Ông H và bà T đã trả được nợ gốc 9.338.000 đồng, lãi là 7.495.500 đồng. Tổng tiền đã trả: 16.833.500 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì số nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 107.239.040 đồng. Tổng cộng là 207.239.040 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0649/2018/HĐTD - CC ngày 19/12/2018; giấy nhận nợ ngày 19/12/2018, nguyên đơn đã cho bà T và ông H vay số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 6 tháng; phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng; lãi suất áp dụng như sau: 1.9%/tháng. Tính đến ngày: 27/9/2023, ông H, bà T đã trả nợ gốc là 19.402.200 đồng, trả lãi là 947.400 đồng. Tổng số tiền đã trã 20.349.600 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì ông H và bà T còn nợ số tiền gốc là 30.598.000 đồng, lãi là 66.913.801 đồng. Tổng cộng số nợ của khoản vay này là 97.511.801 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn cấp tín dụng cho bà Trần Thị Lệ T, ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Hồ T các hợp đồng tín dụng như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0219/2018/HĐTD – NH ngày 16/10/2018; giấy nhận nợ ngày 17/10/2018, nguyên đơn đã cho bà T và ông H, bà L, ông T vay 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng, phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng gốc trả cuối kỳ. Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng. Tính đến ngày: 27/9/2023, người vay đã trả 0 đồng tiền gốc, trả tiền lãi 20.194.700 đồng. Tính đến ngày 27/9/2023 thì khoản vay này còn nợ gốc là 150.000.000 đồng; Nợ lãi là 169.441.219 đồng. Tổng tiền nợ pH T toán: 319.441.219 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0229/2018/HĐTD – NH ngày 06/11/2018; giấy nhận nợ ngày : 06/11/2018, nguyên đơn đã cho bà T và ông H, bà L, ông T vay số tiền: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), Thời hạn vay: 12 tháng, phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng gốc trả cuối kỳ, Lãi suất áp dụng như sau: 1.5%/tháng, tính đến ngày 27/9/2023 thì người vay đã trả 0 đồng tiền gốc, 16.471.300 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 27/9/2023 thì số nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 107.239.040 đồng. Tổng cộng là 207.239.040 đồng.

Như vậy, tổng số tiền cho 05 khoản vay trên tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng)

Quá trình vay vốn, bên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ T toán nợ gốc và lãi được quy định trong hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện trả nợ nhưng bà T và ông H, bà L và ông T (Theo kết quả xác

minh ngày 14/4/2022 thì ông Trần Hồ T chết năm 2019 (BL 117), những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A) không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn để các khoản vay cHển nợ quá hạn, việc bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ buộc bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A pH trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Trường H, Trần Thị Lệ T đã thừa nhận nợ toàn bộ khoản nợ đã vay của nguyên đơn, bị đơn H, T xin gia hạn thời gian để T lý tài sản trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Đối với bị đơn Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa cho thấy các bị đơn đã cố tình trốn tránh, kéo dài thời gian trả nợ. Việc bị các bị đơn và và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T không tham gia phiên Tòa xem như đã từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp thì thấy rằng giữa nguyên đơn và các bị đơn có thực hiện giao dịch cho vay tín dụng với hình thức vay thế chấp. Các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ T toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T trả nợ gốc cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị đơn H xin gia hạn thêm thời gian trả nợ và miễn giảm lãi suất nhưng không được nguyên đơn chấp nhận cho nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và người kế thừa, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi. Về mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi phạt chậm trả các bên đã thỏa Tận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên buộc bị đơn L, T, H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng)

Ngoài ra, bị đơn còn pH T toán số tiền lãi phát sinh sau ngày 27/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để T hồi nợ.

3.2 Về yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để T hồi nợ: Để đảm bảo cho các khoản vay của các bị đơn, các bị đơn đã ký kết các Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản với nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0002/2018/HĐTD - TH ngày 02/01/2018 thì bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp số: 0002/2018/ BĐS - BĐS ngày 02/01/2018, tài sản thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH00961 do UBND quận C cấp ngày 08/01/2014, thửa đất số: 535, tờ bản đồ số: 01 tọa lạc tại KV 3, phường P, quận C, TP. Cần Thơ.

- Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố: 0022/2018/HĐTD - CC ngày 09/01/2018. Tài sản cầm cố cho khoản vay này: Xe máy nhãn hiệu AIR BALDE chiếu theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 008585, biển số 65V1- 7220, do phòng cảnh sát giao thông công an quận C cấp ngày 09/02/2010.

- Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0649/2018/HĐTD - CC ngày 19/12/2018; Tài sản cầm cố cho khoản vay này là xe máy nhãn hiệu SH MODE chiếu theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 080921 , biển số 65B2- 105.25, do phòng cảnh sát giao thông công an TPCT cấp ngày 23/03/2018.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0219/2018/HĐTD – NH ngày 16/10/2018 thì bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp số: 0219/2018/ HĐTC-BĐS ngày 16/10/2018, tài sản thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02996.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp 12/12/2002. Thửa đất số: 147, tờ bản đồ số: 01 tại KV 2 , phường P, quận C, TP. Cần Thơ, diện tích thực tế: 115,2 m^2.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: 0229/2018/HĐTD – NH ngày 06/11/2018 thì bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp số: 0219/2018/ HDTC- BĐS ngày 16/10/2018, tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 02996.QSDĐ do UBND thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp 12/12/200, thửa đất số: 147, tờ bản đồ số: 01, tại KV 2 , phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Xét, yêu cầu phát mãi tài sản các tài sản đã thế chấp để T hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng thế chấp số: 0002/2018/ BĐS - BĐS ngày 02/01/2018 (52 – 55); Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố: 0022/2018/HĐTD - CC ngày 09/01/2018 (BL50); Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0649/2018/HĐTD - CC ngày 19/12/2018 (BL48); Hợp đồng thế chấp số: 0219/2018/ HĐTC-BĐS ngày 16/10/2018 (BL99 – 102) đã được các bên xác nhận việc giao kết là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lần theo đúng quy định.

Tại Điều 5 của Hợp đồng cầm cố số 0649/2018HĐTD-CC ngày 19/12/2018 có ghi: *"Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên"*

- Bên A……..Nếu bên B vi phạm hợp đồng thì bên A sẽ được quyền bán tài sản bảo đảm hoặc các quyền khác để xử lý tài sản nợ vay…..(BL48).

Tại Điều 5 của Hợp đồng cầm cố số 0022/2018HĐTD-CC ngày 09/01/2018 có ghi: *"Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên"*

- Bên A……..Nếu bên B vi phạm hợp đồng thì bên A sẽ được quyền bán tài sản bảo đảm hoặc các quyền khác để xử lý tài sản nợ vay…..(BL50).

Tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0002/2018/HĐTC-BĐS ngày 02/01/2018 có ghi: *"Điều 7: Xử lý TSTC*

7.1 Nguyên tắc xử lý TSTC để T hồi nợ: TSTC được xử lý khi đến hạn mà Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ....-(BL52-55).

Tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0219/2018/HĐTC-BĐS ngày 16/10/2018 có ghi: *"Điều 7: Xử lý TSTC*

7.1 Nguyên tắc xử lý TSTC để T hồi nợ: TSTC được xử lý khi đến hạn mà Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ....-(BL99 – 102).

Thực tế bị đơn và và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho nên việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để T hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] <u>Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ</u>: Số tiền 3.400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn pH chịu chi phí này. Bị đơn có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.400.000 đồng cho nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn pH chịu án phí theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn Trần Thị L Tộc diện người cao tuổi được miễn án phí theo qui định tuy nhiên quá trình tiến hàn tố tụng bị đơn Nguyễn Thị L không làm đơn yêu cầu xin được miễn giảm án phí cho nên bị đơn Nguyễn Thị L pH chịu án phí theo qui định của pháp luật.

- Xét thấy ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào:</u>

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 303, 317, 320, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

<u>Tuyên xử</u>:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu.

Buộc bị đơn Phạm Trường H, Trần Thị Lệ T, Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A có trách nhiệm trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Nam Sông Hậu nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/9/2023 là: 959.543.510 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng); Trong đó nợ gốc là: 426.260.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và tổng nợ lãi gồm: lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 533.283.510 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng)

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn còn pH T toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồ T không T toán số nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để T hồi nợ cụ thể là 01 xe honda SHMODE biển số 65B2 – 105.25 theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô số 080921, biển số 65B2 – 105.25 do phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/3/2018 theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0649/2018/HĐTD-CC ngày 19/12/2018; 01 xe AIR BLADE biển số 65V1 – 7220 theo giấy đăng ký mô tô, xe máy số 008585, biển số 65V1 – 7220 do Công an quận C cấp ngày 09/02/2010 theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 0022/2018/HĐTD/CC ngày 09/01/2018; Quyền sử dụng đất tại thửa 535, tờ bản đồ số 1, diện tích 54,4m^2; loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khu vực 3, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực 4, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00961 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/01/2014; Quyền sử dụng đất tại thửa 147, tờ bản đồ số 1. Diện tích 115,2m^2; loại đất T, đất tọa lạc tại khu vực 2, phường P, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực 4, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sô W176104 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 12/12/2002;

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm ngàn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T pH chịu chi phí này. Bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm hoàn lại số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Trần Tường H, Trần Tường V, Trần Tường T, Trần Minh Đ, Trần Tường T, Trần Thị Lệ A pH nộp 40.786.305 đồng (Bốn mươi triệu, bảy trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm lẻ năm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại số tiền 16.756.784 đồng (Mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn, bảy trăm tám mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai T tiền số 0008732 ngày 01/11/2022 và số tiền 19.329.000 đồng (Mười chín triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai T tiền số 0003352 ngày 08/08/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q. C;
- Lưu HS.

Bùi Trung Hiến